

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2023/DS-PT
Ngày: 23/8/2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2023/TLPT-DS ngày 18/5/2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/202/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Tấn T1, sinh năm 1956 (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Quách Tôn Toại, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Tấn T1: Ông Kim Chan Đa R là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim T2, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 202, đường 30/4, khu vực 8, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người nhận ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Hà T6, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: 417A/1 đường Phạm Hùng, khu vực Yên Hạ, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị T5 (đã mất)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị T5:

1.1. Anh Võ Văn N5 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.2. Chị Võ Thị D2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Minh Thoại, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Chị Võ Thị N4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.4. Chị Võ Thị N3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

1.5. Chị Võ Thị P (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.6. Chị Võ Thị T4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Bùi Thị K (có mặt)

3. Ông Bùi Văn N2 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

4. Ông Bùi Văn V, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 129 Huỳnh Thúc Kháng, khu phố 1, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

6. Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1960 (có mặt)

7. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Bùi Thị D1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 251 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Bùi Văn Luông (Luôn) (mất ngày 05/6/2006) với diện tích theo đo đạc thực tế 7.533,8m² thuộc quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp ngày 05/8/1993 đứng tên Bùi Văn Luôn với tổng diện tích 20.830m² thuộc thửa 564, 678, 698, 701 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vào năm 1990 cụ Luôn có kêu vợ chồng ông T1, bà N1 về sống chung với cụ Luôn và đến năm 1991 vợ chồng ông T1 có góp 450 gia lúa để cùng xây dựng căn nhà với cụ Luôn và quản lý sử dụng. Vào ngày 01/5/2005 cụ Luôn có lập tờ ủy quyền thay cho di chúc về việc giao cho vợ chồng ông T1, bà N1 quản lý sử dụng phần đất vườn của cụ Luôn.

Trước khi cụ Luôn mất có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn ngân hàng với số tiền 8.000.000 đồng để cụ Luôn sử dụng riêng nhưng ông T1 không biết cụ Luôn vay tiền ngân hàng nào. Do hoàn cảnh khó khăn nên sau khi cụ Luôn mất vợ chồng ông T1 chưa có tiền thanh toán nợ ngân hàng. Vì vậy bà T2 là chị ruột đã thanh toán nợ ngân hàng và quản lý giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 2008, vợ chồng ông T1 có khả năng thanh toán thì bà T2 không trả lại QSD đất cho vợ chồng ông T1 và quản lý đến nay.

Nay, ông T1 và bà N1 yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng và công nhận cho ông bà được đứng tên quyền sử dụng đất theo diện tích đo đạc thực tế 7.056,8m² theo tờ ủy quyền do cụ Luôn lập ngày 01/5/2005.

Đối với phần đất ông Bùi Văn H đang quản lý sử dụng với diện tích theo đo đạc thực tế là 284,2m² là do cha mẹ cho ông H khi còn sống nên ông T1 và bà N1 thống nhất giao ông H tiếp tục quản lý sử dụng; Phần đất lối đi vào nhà bà K theo đo đạc thực tế với diện tích 192,8m² ông T1, bà N1 thống nhất dùng làm lối đi vào nhà bà K.

Các phần còn lại theo quyền sử dụng đất do cụ Luông đứng tên thuộc thửa 564, 678, 701 ông bà không yêu cầu xem xét giải quyết tại vụ án vì đã được phân chia cho anh em xong.

** Ông Kim Chan Đa R là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Tấn T1 trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của ông T1 về nguồn gốc đất tranh chấp và yêu cầu của ông T1. Do ông T1, bà N1 là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất của cụ Luông để lại theo tờ ủy quyền thay di chúc cụ Luông lập ngày 01/5/2005; di chúc lập ngày 01/5/2005 cụ Luông lập là hợp pháp vì đã có công chứng, chứng thực đúng quy định; vợ chồng ông T1, bà N1 là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất nên yêu cầu công nhận cho ông T1, bà N1 được tiếp tục quản lý sử dụng và đứng tên phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 7.056,8m² theo di chúc cụ Luông lập ngày 01/5/2005. Ông T1, bà N1 là người có công sức đóng góp vào tài sản của cụ Luông nên yêu cầu của ông T1 là phù hợp. Số tiền nợ ngân hàng mà bà T2 thanh toán để lấy quyền sử dụng đất của cụ Luông, ông T1 thống nhất hoàn trả lại nhưng do bà T2 không yêu cầu nên đề nghị không xét. Ông T1 thống nhất giao cho ông H quản lý sử dụng phần đất ông H được cha mẹ cho khi còn sống với diện tích 284,2m² và để phần đất làm lối đi vào phần đất bà K với diện tích theo đo đạc 192,8m² đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

** Bà Bùi Thị Kim T2 và người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị Kim T2 là ông Võ Hà T6 trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha bà T2 là cụ Bùi Văn Luông (Luôn) (đã mất ngày 05/6/2006) và cụ Phan Thị Hôn (đã mất ngày 06/5/1992) để lại nhưng do cụ Luông đứng tên QSD đất với tổng diện tích 20.830m² trong đó có phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế là 7.533,8m², đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Do cụ Luông và cụ Hôn mất không để lại di chúc nên bà T2 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật để bà T2 được nhận một phần với diện tích 1.000m² và giao bà quản lý phần mồ mả với diện tích 500m². Bà T2 thống nhất hoàn lại trị giá bằng tiền đối với phần diện tích đất dư bà yêu cầu nhận so với quyền được hưởng thừa kế của bà T2 theo quy định pháp luật. Bà T2 thống nhất giao ông H tiếp tục quản lý sử dụng phần đất cha mẹ cho khi còn sống với diện tích 284,2m² và phần lối đi chung vào nhà bà K với diện tích 192,8m².

Các phần đất còn lại theo QSD đất do cụ Luông đứng tên bà T2 không yêu cầu phân chia vì thực tế đã phân chia cho anh em quản lý xong.

**Bà Bùi Thị K, bà Bùi Thị M trình bày:*

Bà K, bà M thống nhất với phần trình bày của bà T2 về nguồn gốc đất tranh chấp, phần diện tích đất dùng làm lối đi vào nhà bà K, phần diện tích đất giao ông H quản lý. Phần diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế ngày 13/12/2018 bà K, bà M yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà được nhận theo quy định pháp luật để bà trực tiếp quản lý sử dụng vì khi cụ Luông và cụ Hôn mất không có để lại di chúc. Đối với phần mộ thì bà K và bà M thống nhất giao cho bà T2 quản lý. Các phần đất còn lại theo quyền sử dụng đất do cụ Luông đứng tên bà không yêu cầu phân chia.

**Ông Bùi Văn V và ông Bùi Văn T3 trình bày:*

Ông V, ông T3 thống nhất với phần trình bày của bà T2 về nguồn gốc đất tranh chấp, phần diện tích đất dùng làm lối đi vào nhà bà K, phần diện tích đất giao ông H quản lý. Phần diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế ngày 13/12/2018 ông V và ông T3 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật cho ông được nhận một phần. Đồng thời ông V và ông T3 tự nguyện giao phần các ông được nhận theo quy định pháp luật cho bà T2 trực tiếp quản lý sử dụng. Đối với phần mộ thì Viết và ông T3 thống nhất giao cho bà T2 quản lý. Các phần đất còn lại theo quyền sử dụng đất do cụ Luông đứng tên ông bà không yêu cầu phân chia.

**Ông Bùi Văn H trình bày:*

Ông H thống nhất theo phần trình bày của bà T2 về nguồn gốc đất tranh chấp, phần đất cụ Luông để lại chưa chia.

Nay, ông H yêu cầu công nhận cho ông được tiếp tục quản lý phần đất được cha mẹ cho với diện tích 284,2m². Ông H thống nhất để phần đất dùng làm lối đi vào nhà bà K với diện tích theo đo đạc thực tế là 192,8m². Phần mộ thì ông H thống nhất giao bà T2 quản lý. Phần diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế ngày 13/12/2018 ông H yêu cầu phân chia thừa kế theo quy định pháp luật cho ông được nhận một phần để ông quản lý sử dụng.

Các phần đất còn lại theo QSD đất cụ Luông đứng tên, ông H không yêu cầu

giải quyết tại vụ án vì đã được phân chia xong.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS – ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông T1, bà N1 về việc yêu cầu công nhận cho ông bà được đứng tên QSD đất theo diện tích đo đạc thực tế 7.056,8m² theo tờ ủy quyền của cụ Bùi Văn Luông lập ngày 01/5/2005. Chấp nhận yêu cầu của bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T5, bà K, ông V, bà M, ông T3, ông H, bà D1 về việc yêu cầu hủy tờ ủy quyền của cụ Bùi Văn Luông lập ngày 01/5/2005 và chia thừa kế, công nhận phần đất và công nhận lối đi, phần đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo mảnh trích đo địa chính số 33/2018 ngày 13/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình.

2. Công nhận cho ông Bùi Văn H được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 284,2m² có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Bùi Văn H có mốc M5M5" dài 11,41m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp có mốc M5"M5"" dài 10,09m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Dương Văn Nhựt có mốc M5M5" dài 25,42m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất tranh chấp có mốc M5'M5"" dài 27,88m.

3. Công nhận lối đi chung cho ông Bùi Tấn T1, bà Nguyễn Thị N1, bà Bùi Thị Kim Thanh, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị T5, bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn V, bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn T3, ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị D1 với diện tích 192,8m² có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp phần đất ông Bùi Văn H có mốc M4M14; mặt hậu giáp lưng có mốc M7M8; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất đang tranh chấp có mốc M4M15M16M17M18M7; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất tranh chấp có mốc M14M13M2M12M11M8.

4. Giao bà Bùi Thị Kim T2 quản lý nhà mộ thứ nhất với diện tích 27,2m² và nhà mộ thứ hai diện tích 13m².

5. Hủy tờ ủy quyền lập ngày 01/5/2005 và buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 khai thác cây trồng vật nuôi (nếu có) trên phần đất do cụ Bùi Văn Luông và cụ Phan Thị Hơ để lại (sau khi đã trừ các phần đất tại mục 2, mục 3, mục 4 của Quyết định) với diện tích 7.016,6m² để phân chia cho các con của cụ Bùi Văn Luông và cụ Phan Thị Hơ được hưởng theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

5.1. Giao ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và phần đất tổng diện tích 1.403,32m², với vị trí như sau: Mặt tiền giáp lối đi tính từ mốc M7 về mốc M18 đến hết vị trí chiều dài ngôi nhà ông T1, bà N1 đang quản lý kéo dài về cạnh M6M7 đủ diện tích được giao 1.403,32m².

5.2. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho bà Bùi Thị K quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích 701,66m², với vị trí như sau: Mặt tiền giáp lối đi tính từ mốc M8 về hướng M11 gọi là mốc M8M8' dài 10m kéo dài xuống cạnh M9M10 đủ diện tích 701,66m².

5.3. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho bà Bùi Thị M quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích 701,66m², với vị trí như sau:

Mặt tiền giáp lối đi có mốc M8' (giáp phần đất được chia cho bà K) về hướng M11 dài 10m kéo dài xuống cạnh M9M10 đủ diện tích 701,66m².

5.4. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho ông Bùi Văn H quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích 701,66m², với vị trí (giáp phần đất ông H được công nhận tại mục 2) như sau: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Bùi Văn H có mốc từ M5' về hướng M4 dài 20m kéo dài về cạnh M6M7 đủ diện tích 701,66m².

5.5. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao bà Bùi Thị Kim T2 quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế (phần thừa kế của bà Bùi Thị T5, ông Bùi Văn V, ông Bùi Văn T3, bà Bùi Thị D1) với diện tích còn lại là 3.508,3m².

Các bên đương sự có quyền đến cơ quan chuyên môn để thực hiện việc đăng ký QSD đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/03/2023, nguyên đơn là ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận cho ông bà được tiếp tục quản lý sử dụng và công nhận cho ông bà được đứng tên quyền sử dụng phần đất theo diện tích đo đạc thực tế 7.056,8m² theo tờ ủy quyền do cụ Luông lập ngày 01/5/2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo là ông T1 và bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Thới Bình thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa nguyên đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét lại bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử tờ ủy quyền lập ngày 01/5/2005 buộc vợ chồng ông bà giao cho bà K, bà M, ông H mỗi người quản lý sử dụng 701,66 m² đất và giao cho bà T2 quản lý sử dụng phần đất 3.508,3² là vô lý, không căn cứ theo sự thật khách quan, đi ngược lại ý

chí nguyện vọng của cha ông bà trước khi chết và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn.

[3] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T1 và bà N1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Nguồn gốc phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với tổng diện tích 7533,8m² đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của ông Bùi Văn Luông trong tổng diện tích QSD đất 20.830m² thuộc thửa 698 tờ bản đồ số 5 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp ngày 05/8/1993. Ông T1 và bà N1 yêu cầu công nhận cho ông bà được tiếp tục quản lý sử dụng và đăng ký QSD đất phần đất thứ nhất và phần đất thứ hai (như trên) theo đo đạc thực tế diện tích 7.056,8m² theo tờ ủy quyền do cụ Luông lập ngày 01/5/2005. Tuy nhiên bà T2, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T5, bà K, ông V, bà M, ông T3, ông H, bà D1 không thống nhất với yêu cầu của ông T1, bà N1 mà cho rằng phần đất tranh chấp ông T1, bà N1 yêu cầu công nhận là đất di sản của cụ Luông, cụ Hôn để lại chưa chia, khi mất các cụ không có di chúc nên yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật cho các ông bà được hưởng.

Xét tính hợp pháp của giấy ủy quyền do cụ Luông lập ngày 01/5/2005 thấy rằng:

Tại tờ ủy quyền có xác nhận của trưởng ấp địa phương và Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Qua trình giải quyết vụ án, bà T2 cho rằng cụ Luông không có viết và ký tên nên có yêu cầu giám định chữ viết trong tờ ủy quyền ngày 01/5/2005 nhưng không thực hiện được do không đủ căn cứ để giám định. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 thừa nhận là người trực tiếp viết toàn bộ nội dung tờ ủy quyền nêu trên mà không phải là cụ Luông và khi viết không có ai chứng kiến. Tờ ủy quyền lập ngày 01/5/2005 nhưng ngày 02/5/2005 trưởng ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau chứng thực.

Nội dung tờ ủy quyền này không xác định diện tích để lại cho ông T1 và bà N1 là bao nhiêu, vị trí cụ thể thế nào. Do vậy tờ ủy quyền chưa đáp ứng quy định về nội dung và hình thức là di chúc, án sơ thẩm không chấp nhận tờ ủy quyền này là di chúc là có căn cứ.

Tại biên bản họp thân tộc ngày 17/02/2006 có nội dung: "...chúng tôi thân tộc gia đình cùng tất cả anh em tiến hành làm biên bản họp thân tộc gia đình để giải quyết những vấn đề liên quan đến tài sản gia đình gồm:

1- một ngôi nhà

2- đất vườn 7 công tầm cây..." và cuối biên bản có chữ ký cụ Luôn, ông T3, bà T5, bà K, ông N2, ông V, bà M, ông H, bà D1 và có xác nhận của địa phương ấp 5 cùng ngày 17/2/2006 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc Bắc. Theo biên bản này thì tại thời điểm họp gia đình ngày 17/02/2006 cụ Luôn vẫn còn căn nhà và phần đất vườn 07 công như nội dung biên bản thể hiện. Hơn nữa, tại phiên tòa ông T1 và bà N1 thừa nhận biên bản họp gia đình ngày 14/7/2006 (sau khi cụ Luôn mất) là họp tại nhà ông T1, bà N1 đang ở và có xác nhận của địa phương, Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc Bắc. Biên bản có đoạn ghi: "...tại gia đình của ông Bùi Văn Luôn hồi ...14/7/2006...sau khi cha mẹ qua đời mà không có tờ di chúc để lại các con nên hiện nay còn một phần đất thổ cư có nền mộ của cha mẹ chúng tôi nên

sợ sau này có nhiều việc xảy ra không tốt nên hôm nay anh em chúng tôi có mời đại diện UBND xã Tân Lộc Bắc và chính quyền ấp 5,...".

Tại đơn xin xác nhận đề ngày 20/02/2018 và biên bản ghi lời khai ông N2 cho rằng vào năm 2006 cụ Luôn có nhờ người viết di chúc để cho ông N2 1,5 công đất nông nghiệp và 04 công đất vườn nhưng ông N2 không nhận. Đồng thời ông N2 cũng thừa nhận vào năm 2006 cụ Luôn có hợp để bán 1,5 công đất cho bà T2 là phù hợp với biên bản họp gia đình ngày 17/02/2006. Vì vậy, ông N2 không yêu cầu chia thừa kế, không thống nhất chia đất cho ai khác mà yêu cầu giao đất cho ông T1 quản lý sử dụng.

Đối với hai văn bản xác nhận 13/3/2023 của ông Đặng Văn Ngọc và xác nhận ngày 17/02/2023 của Bùi Văn N2 do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa không có xác nhận của chính quyền địa phương có đúng là chữ ký của họ hay không nên không có giá trị pháp lý để xem xét.

[4] Tại phiên tòa luật sư tranh luận cho rằng bản án sơ thẩm tuyên giao đất nhưng không chừa lối đi chung vào khu nền mộ cũng như không chừa lối đi vào nhà ông T1 là không có căn cứ bởi lẽ: Tại quyết định của bản án và hiện trạng đo vẽ đã thể hiện phần đất nguyên đơn giáp lối đi chung, đối với phần nền mộ tại cấp sơ thẩm và kháng cáo các đương sự không đặt ra yêu cầu. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông H tự nguyện cho lối đi chung qua phần đất của ông vào nền mộ nên cấp phúc thẩm không xem xét vấn đề này, trường hợp có tranh chấp thì khởi kiện riêng thành vụ án khác.

[5] Đối với kháng cáo cho rằng phần nền mộ giao cho bà T2 quản lý trực tiếp là không phù hợp. Thấy rằng phần đất mồ mã là đất hương hỏa các con cháu có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi đến thăm nom, chăm sóc mộ nên cần sửa án sơ thẩm ghi nhận đây là phần đất hương hỏa, 09 người con và các cháu trong thân tộc đều có quyền và nghĩa vụ chung ngang nhau trong chăm sóc quản lý mà không tuyên giao cho ai trực tiếp quản lý sử dụng là phù hợp.

Như vậy án sơ thẩm cho rằng yêu cầu của ông T1, bà N1 về việc công nhận phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 7.056,8m² là không có cơ sở và chấp nhận yêu cầu hủy tờ ủy quyền ngày 01/5/2005 và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật của bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T5, bà K, ông V, bà M, ông T3, ông H, bà D1 đối với phần đất được chia còn lại có tổng diện tích 7.016,6m² cho các người con của cụ Luôn và cụ Hôn mỗi người được nhận một phần bằng nhau với diện tích 701,66m² đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định như đã nêu trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông T1 và bà N1, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm những người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo qui định nhưng ông T1 và bà N1 đã được xét miễn nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân Thới Bình.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông T1, bà N1 về việc yêu cầu công nhận cho ông bà được đứng tên quyền sử dụng đất theo diện tích đo đạc thực tế 7.056,8m² theo tờ ủy quyền của cụ Bùi Văn Luông lập ngày 01/5/2005. Chấp nhận yêu cầu của bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T5, bà K, ông V, bà M, ông T3, ông H, bà D1 về việc yêu cầu hủy tờ ủy quyền của cụ Bùi Văn Luông lập ngày 01/5/2005 và chia thừa kế, công nhận phần đất và công nhận lối đi, phần đất tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo mảnh trích đo địa chính số 33/2018 ngày 13/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình.

2. Công nhận cho ông Bùi Văn H được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 284,2m² có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Bùi Văn H có mốc M5M5" dài 11,41m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp có mốc M5"M5"" dài 10,09m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Dương Văn Nhựt có mốc M5M5" dài 25,42m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất tranh chấp có mốc M5'M5"" dài 27,88m.

3. Công nhận lối đi chung cho ông Bùi Tấn T1, bà Nguyễn Thị N1, bà Bùi Thị Kim Thanh, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị T5, bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn V, bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn T3, ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị D1 với diện tích 192,8m² có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp phần đất ông Bùi Văn H có mốc M4M14; mặt hậu giáp lưng có mốc M7M8; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất đang tranh chấp có mốc M4M15M16M17M18M7; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất tranh chấp có mốc M14M13M2M12M11M8.

4. Phần diện tích nhà mồ là đất hương hỏa, các con và cháu trong thân tộc của ông Luông và bà Hơ được quyền và có nghĩa vụ ngang nhau trong việc thăm viếng, chăm sóc, quản lý không ai được ngăn cản gồm: nhà mồ thứ nhất với diện tích 27,2m² và nhà mồ thứ hai diện tích 13m².

5. Hủy tờ ủy quyền lập ngày 01/5/2005 và buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 khai thác cây trồng vật nuôi (nếu có) trên phần đất do cụ Bùi Văn Luông và cụ Phan Thị Hơ để lại (sau khi đã trừ các phần đất tại mục 2, mục 3, mục 4 của Quyết định) với diện tích 7.016,6m² để phân chia cho các con của cụ Bùi Văn Luông và cụ Phan Thị Hơ được hưởng theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

5.1. Giao ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và phần đất tổng diện tích $1.403,32m^2$, với vị trí như sau: Mặt tiền giáp lối đi tính từ mốc M7 về mốc M18 đến hết vị trí chiều dài ngôi nhà ông T1, bà N1 đang quản lý kéo dài về cạnh M6M7 đủ diện tích được giao $1.403,32m^2$.

5.2. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho bà Bùi Thị K quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích $701,66m^2$, với vị trí như sau: Mặt tiền giáp lối đi tính từ mốc M8 về hướng M11 gọi là mốc M8M8' dài 10m kéo dài xuống cạnh M9M10 đủ diện tích $701,66m^2$.

5.3. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho bà Bùi Thị M quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích $701,66m^2$, với vị trí như sau: Mặt tiền giáp lối đi có mốc M8' (giáp phần đất được chia cho bà K) về hướng M11 dài 10m kéo dài xuống cạnh M9M10 đủ diện tích $701,66m^2$.

5.4. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao cho ông Bùi Văn H quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế với diện tích $701,66m^2$, với vị trí (giáp phần đất ông H được công nhận tại mục 2) như sau: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Bùi Văn H có mốc từ M5' về hướng M4 dài 20m kéo dài về cạnh M6M7 đủ diện tích $701,66m^2$.

5.5. Buộc ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 giao bà Bùi Thị Kim T2 quản lý sử dụng phần đất do hưởng thừa kế (phần thừa kế của bà Bùi Thị T5, ông Bùi Văn V, ông Bùi Văn T3, bà Bùi Thị D1) với diện tích còn lại là $3.508,3m^2$.

Các bên đương sự có quyền đến cơ quan chuyên môn để thực hiện việc đăng ký QSD đất theo quy định pháp luật.

6. Chi phí tố tụng khác: Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị T5 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N1 và ông Bùi Tấn T1 số tiền 2.296.000đ (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng); bà Bùi Thị Kim T2, bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn V, bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn T3, ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị D1 mỗi người phải hoàn lại cho ông Bùi Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1 chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 2.296.000đ (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

7. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Tấn T1, bà Nguyễn Thị N1 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Tấn T1, bà Nguyễn Thị N1, bà Bùi Thị Kim T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị T5, bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn V, bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn T3 được miễn án phí sơ thẩm.

Ông Bùi Văn H phải chịu án phí với số tiền 3.517.000 đ (Ba triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng). Vào ngày 06/12/2022 ông H có dự nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003214 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình nay được đối trừ. Ông H nộp tiếp số tiền còn lại là 3.217.000 đ (Ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Bùi Thị D1 phải chịu án phí với số tiền 3.217.000 đ (Ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng). Vào ngày 06/12/2022 bà D1 có dự nộp 487.000 đ (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0003213 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình nay được đối trừ, bà D1 nộp số tiền còn lại là 2.730.000 đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Ông T1 và bà N1 đã được xét miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Hoàng